

TĂNG TỶ TRỌNG

| | | |
|--------------|---------|-----|
| Giá mục tiêu | 167,000 | VND |
| Giá đóng cửa | 148,000 | VND |
| 15/09/2017 | | |

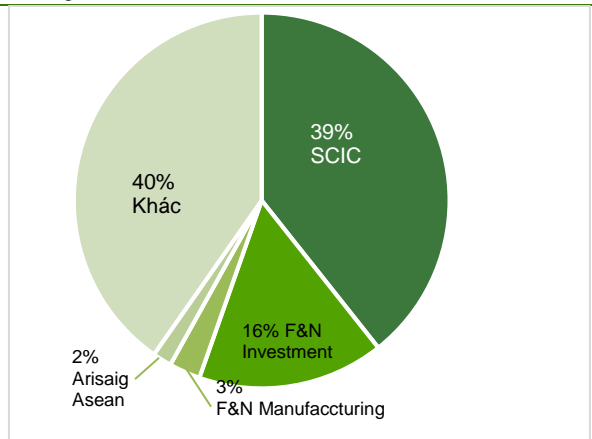
Nguyễn Thị Thanh Hiền
(+84-8) 5413-5472
hiennguyen@phs.vn

Thông tin cổ phiếu

| | |
|--------------------------|-----------------|
| Mã CP | VNM |
| Vốn điều lệ (tỷ đồng) | 14,515 |
| CP đang lưu hành (triệu) | 1,451 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 215,112 |
| Biên độ 52 tuần (đồng) | 121,500-158,200 |
| KLGD trung bình 3 tháng | 609,377 |
| Beta | 0.61 |
| Sở hữu nước ngoài | 55.4% |
| Ngày niêm yết đầu tiên | 19/01/2006 |

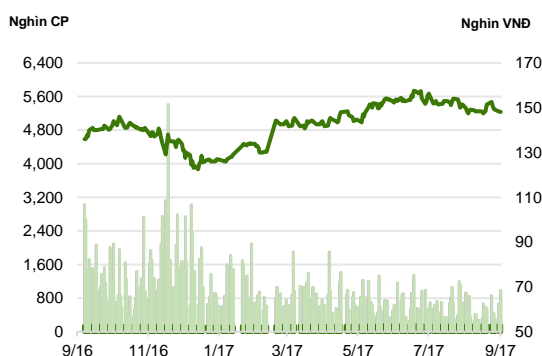
Cổ đông lớn

| | |
|----------------------------|-----|
| SCIC | 39% |
| F&N Investment | 16% |
| F&N Manufacturing | 3% |
| Arisaig Asean Fund Limited | 2% |
| Khác | 40% |



Biến động giá

| | 3 tháng | 6 tháng | 12 tháng |
|----------------------|---------|---------|----------|
| Tuyệt đối (ngàn VNĐ) | -2.7 | 21.1 | 8.1 |
| (%) | -1.8% | 16.6% | 5.8% |



Tăng trưởng vững mạnh nhờ vào nội lực và tiềm năng thị trường

Kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm và dự báo 2017

Sáu tháng đầu năm doanh thu VNM đạt khoảng 25,398 tỷ đồng, tăng 11.5% YoY, lợi nhuận sau thuế đạt 4,973 tỷ đồng, tăng 17.8% YoY. Xét về thành phần, 6T đầu năm thị trường nội địa duy trì được mức tăng ổn định 17%, chủ yếu đến từ gia tăng sản lượng bán ra. Biên lợi nhuận kinh doanh trong nước cũng tiếp tục duy trì được ở mức cao (trên 48%). Tuy nhiên, xuất khẩu gặp khó khăn do vấn đề nội chiến tại Iraq ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu giảm 11.9%.

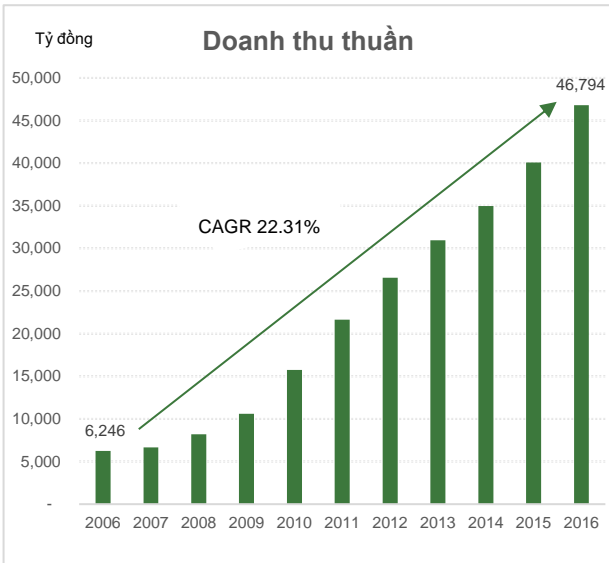
Dựa vào kế hoạch giữ vững thị phần thị trường và triển vọng tăng trưởng của ngành sữa, chúng tôi dự báo doanh thu năm 2017 của VNM sẽ đạt 52,410 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Dự kiến lợi nhuận sau thuế đạt 11,664 tỷ đồng, tăng 25%. Trong đó, doanh thu và lợi nhuận chủ yếu vẫn đến từ mức tăng trưởng trong nước. Tình hình kinh doanh xuất khẩu kỳ vọng sẽ được cải thiện trong những năm tới khi VNM cải thiện doanh thu ở các thị trường khác hơn tập trung vào kinh doanh ở khu vực Trung Đông.

Triển vọng doanh nghiệp

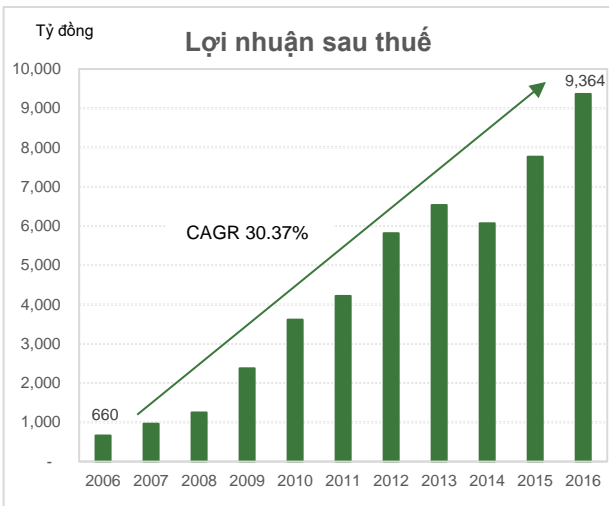
VNM là cổ phiếu tốt để đầu tư dài hạn, sau 40 năm thành lập đã phát triển thành công ty sữa lớn nhất và là doanh nghiệp tư nhân lớn thứ hai ở Việt Nam, tăng trưởng vẫn đang ở phía trước. Doanh nghiệp này đạt được nhiều thành tích ấn tượng, dẫn đầu về nhiều mặt: thương hiệu giá trị nhất, vốn hóa lớn nhất, hệ thống phân phối lớn nhất, doanh nghiệp sữa lớn nhất, doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất có trang trại sữa hữu cơ, sở hữu hai siêu nhà máy sữa lớn nhất. Các lợi thế nổi bật nhất của VNM:

➤ Vị trí dẫn đầu

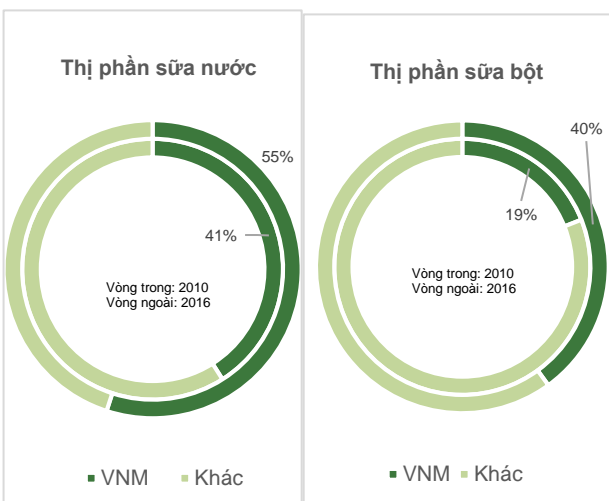
Năm 2016, VNM chiếm hơn 49% tổng doanh thu toàn ngành sữa Việt Nam. Các sản phẩm của VNM quen thuộc với người dân Việt Nam từ 40 năm trước, bắt đầu với sản phẩm Sữa đặc Ông Thọ được ao ước ở khắp vùng miền đất nước. Đến nay VNM đã phát triển lớn mạnh thành thương hiệu giá trị nhất Việt Nam, có hơn 250 sản phẩm trên thị trường. Trong khi nhiều doanh nghiệp Việt Nam nổi lên rồi lụi tàn, VNM đang chứng tỏ nội lực mạnh vững bền qua thời gian, phát triển không ngừng. Trên sàn chứng khoán, VNM là doanh nghiệp có vốn hóa lớn nhất hiện nay. VNM có mức



Nguồn: VNM



Nguồn: VNM



Nguồn: VNM

tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận rất ổn định qua các quý cho thấy sự thành công của Công ty trong việc liên tục mở rộng thị phần.

- Tầm nhìn dài hạn - đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, giảm phụ thuộc nhập khẩu

Ngành sữa Việt Nam phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, do đó giá sữa nhập khẩu tăng ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành này. Để phát triển vững mạnh, VNM từ nhiều năm nay đã kiên trì với mục tiêu tự chủ nguồn nguyên liệu, kỳ vọng tăng tỉ lệ nguyên liệu trong nước từ 30% hiện nay lên 40% trong năm 2020. Hiện nay hệ thống trang trại bò sữa công nghệ cao của VNM đạt tổng đàn bò sữa 17,500 con. Vinamilk tiếp tục đầu tư thêm 2 tổ hợp trang trại bò sữa công nghệ cao tại Tây Ninh và Thanh Hóa với quy mô thiết kế lần lượt là 8.000 con và 16.000 con. Trang trại Tây Ninh đã đi vào hoạt động năm 2016 và tổ hợp trang trại bò sữa công nghệ cao tại Thanh Hóa sẽ đi vào hoạt động năm 2017.

- Năng lực sản xuất ấn tượng

VNM liên tục chú trọng đầu tư mở rộng sản xuất, từ vùng nguyên liệu đến nhà máy. Hiện nay VNM có 13 nhà máy tại Việt Nam (trong đó có hai Siêu nhà máy), ba nhà máy ở Mỹ¹, New Zealand² và Campuchia³, sở hữu một công ty con ở Ba Lan⁴ cùng 10 trang trại (gồm một trang trại duy nhất đạt tiêu chuẩn organic Châu Âu tại VN vừa được khánh thành vào tháng 03/2017). Ấn tượng nhất là hai Siêu nhà máy với vốn đầu tư khoảng 4,000 tỷ đồng, đây là hai nhà máy lớn nhất Đông Nam Á hiện nay. Nhà máy được trang bị hệ thống khép kín, tự động hóa 100%, với lực lượng robot tự động, có hai tháp sấy sữa lớn nhất châu Á. Bên cạnh đó, trang trại bò sữa hữu cơ đầu tiên của Việt Nam cũng chứng tỏ tầm nhìn xa trông rộng của VNM, khi xu hướng toàn cầu đang hướng đến sản phẩm hữu cơ bảo vệ sức khỏe. Dự báo doanh thu từ mặt hàng sữa hữu cơ sẽ đóng góp đáng kể cho VNM trong thời gian tới sau nhiều thông tin thực phẩm bẩn và tình hình quá tải bệnh nhân ở các bệnh viện liên quan đến vấn đề ăn uống.

- Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng tiêu dùng, hệ thống phân phối rộng khắp

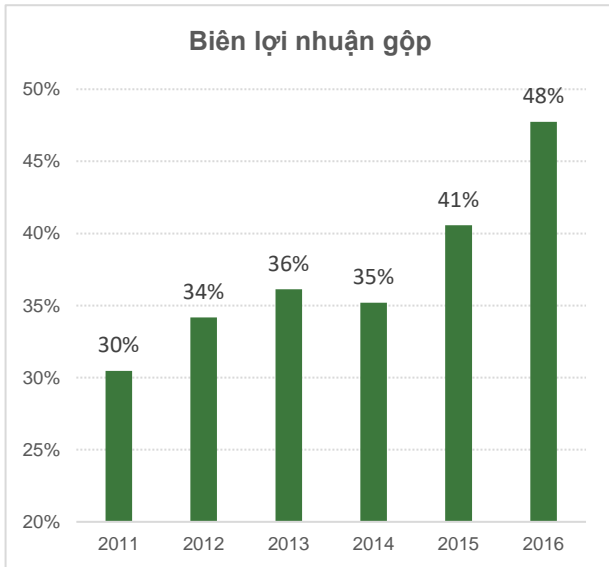
Hiện tại VNM có đến 10 nhóm sản phẩm, gồm hơn 250 mặt hàng

¹ VNM sở hữu 100% nhà máy Driftwood tại California, Mỹ

² VNM sở hữu 22.8% nhà máy Miraka, New Zealand

³ VNM sở hữu 100% nhà máy Angkormilk tại Phnompenh, Campuchia. Đây là nhà máy sữa đầu tiên và duy nhất tại Campuchia.

⁴ Công ty Vinamilk Europe, Ba Lan.



đáp ứng được nhu cầu đa dạng của nhiều đối tượng tiêu dùng. Cùng với việc chủ động vùng nguyên liệu và đầu tư mở rộng sản xuất, mạng lưới phân phối tiêu thụ VNM cũng đứng đầu với 220,000 điểm bán lẻ, chuỗi cửa hàng “Giấc mơ Việt” có 218 cửa hàng, tất cả các siêu thị và cửa hàng tiện lợi trong nước đều bán sản phẩm của VNM. Có thể nói với hơn 250 mặt hàng và hệ thống phân phối rộng khắp, VNM là mặt hàng tiêu dùng hàng ngày quen thuộc với tất cả người dân Việt Nam, giúp VNM đạt được lợi thế trong việc phát triển thị phần trên cả ba phân khúc kinh doanh chính: sữa nước, sữa bột, sữa chua. Với sức ép cạnh tranh gắt gao từ các đối thủ ngoại, đây là thành công nổi trội chứng tỏ tiềm lực của VNM trong cuộc chiến thị phần. Bên cạnh đó, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm còn được VNM áp dụng nhằm tận dụng công nghệ thiết bị sẵn có và hệ thống phân phối, hướng tới phát triển thành một tập đoàn thực phẩm lớn mạnh tại Việt Nam. Đối với thị trường quốc tế, nhờ các nhà máy và công ty con được VNM đầu tư ở nước ngoài, đến nay VNM đã xuất khẩu sản phẩm đến 43 nước.

- Kinh doanh hiệu quả – biên lợi nhuận liên tục được cải thiện, tăng trưởng không ngừng

VNM là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất thị trường, hơn nữa hiệu quả còn được cải thiện liên tục trong ba năm gần đây: biên lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 35% năm 2015 lên đến 48% năm 2016; ROE đạt 31% trong năm 2014 đã tăng lên 42% trong năm 2016. Hoạt động kinh doanh cốt lõi mang về lượng tiền mặt lớn và đều đặn, tăng không ngừng từ hơn 5.3 ngàn tỷ năm 2014 lên hơn 8.3 ngàn tỷ năm 2016 (tăng 58%). Rất ít có doanh nghiệp giữ vững được đà tăng trưởng liên tục như VNM. Trong 10 năm qua, doanh thu của VNM đã tăng gần 7.5 lần, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép 22.31%. Lợi nhuận VNM thu về thậm chí còn ấn tượng hơn, với LNST tăng hơn 14 lần với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 30.37%.

➢ Tiềm năng thị trường

Bên cạnh những thế mạnh riêng biệt, tăng trưởng của VNM còn được đánh giá cao nhờ vào tiềm năng thị trường sữa Việt Nam trong những năm tới. Nguồn cung sữa cho thị trường vẫn đang thấp hơn cầu, hiện nay sữa tươi nguyên chất chỉ mới đáp ứng gần một nửa nhu cầu thị trường⁵. Nhu cầu sữa tươi dự báo sẽ còn tăng mạnh do mức tiêu thụ sữa bình quân ở Việt Nam mới chỉ đạt hơn 17 lít/người/năm, thấp hơn đáng kể so với các nước trong khu vực: Thái Lan (35 lít/người/năm), Singapore (45 lít/người/năm). Theo ước tính của Cục Chăn nuôi, dự báo đến năm 2020, mức tiêu thụ sữa ở Việt Nam sẽ đạt 28 lít/người/năm.

Rủi ro

➢ Giá nguyên liệu đầu vào

Lượng lớn nguyên liệu sản xuất của VNM nhập khẩu (hiện nay khoảng 30%), do đó giá sữa nguyên liệu thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.

➢ Rủi ro tin đồn

Đặc thù kinh doanh thức uống thực phẩm chịu áp lực lớn từ tin đồn về an toàn thực phẩm. Khi có thông tin xấu về chất lượng sản phẩm, đặc biệt liên quan đến thực phẩm cho trẻ nhỏ, người tiêu dùng có thể phản ứng thái quá trước khi thông tin chính thức được xác nhận.

➢ Rủi ro dịch bệnh và an toàn cho bò sữa

Chất lượng an toàn của sữa phụ thuộc lớn vào tình trạng bò sữa. Khi có dịch bệnh xảy ra nếu không có biện pháp xử lý kịp thời có thể ảnh hưởng đến nguồn cung, chất lượng và giá của sữa tươi của doanh nghiệp.

⁵ Báo cáo của Nielsen Việt Nam - Dịch vụ đo lường Bán lẻ cho Ngành hàng Sữa nước từ tháng 01/2015 đến tháng 07/2017

Định giá

Chúng tôi ước tính giá mục tiêu cho cổ phiếu VNM vào khoảng 167 ngàn/CP, dựa trên hai phương pháp: P/E (tỷ trọng 50%, P/E ước tính năm 2016 là 18.7x và EPS kỳ vọng năm 2017) và FCFE (tỷ trọng 50%). So với mức giá 148 ngàn đồng/CP trên thị trường hiện nay, chúng tôi khuyến nghị tăng tỷ trọng đối với cổ phiếu này trong trung và dài hạn.

| Chiết khấu dòng tiền | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|-----------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| LN từ HĐKD | 13,260 | 16,142 | 20,927 | 23,502 | 26,370 |
| Khấu hao | 1,082 | 1,234 | 1,398 | 1,564 | 1,866 |
| Thuế | 2222 | 2853 | 3886 | 4587 | 5404 |
| Đầu tư XDCB | 1174 | 1257 | 1282 | 1295 | 1295 |
| Thay đổi vốn lưu động | 354 | 308 | 302 | 372 | 277 |
| Dòng tiền tự do | 10,592 | 12,958 | 16,856 | 18,812 | 21,261 |
| Giá trị hiện tại | 9,600 | 10,646 | 12,552 | 12,697 | 13,007 |

| Chi phí vốn | | | |
|---------------------|-------|----------------------------------|---------|
| Beta | 0.61 | Tổng giá trị hiện tại (tỷ VNĐ) | 58,502 |
| Phần bù rủi ro | 8.72% | Giá trị cuối cùng (3%g) (tỷ VNĐ) | 198,983 |
| Lãi suất phi rủi ro | 5.12% | Tổng dòng tiền (tỷ VNĐ) | 257,486 |
| Chi phí vốn CSH | 10.4% | Tiền & đầu tư ngắn hạn (tỷ VNĐ) | 11,109 |
| Chi phí nợ | 11% | Nợ ngắn và dài hạn (tỷ VNĐ) | 1,660 |
| Nợ/Vốn | 6.86% | Lợi ích CĐTS (tỷ VNĐ) | 0 |
| Vốn CSH | 93.1% | Giá trị vốn CSH (tỷ VNĐ) | 266,935 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | Số CP (triệu) | 1,451 |
| WACC | 10.3% | Giá CP (VNĐ) | 184,926 |

Sơ lược công ty

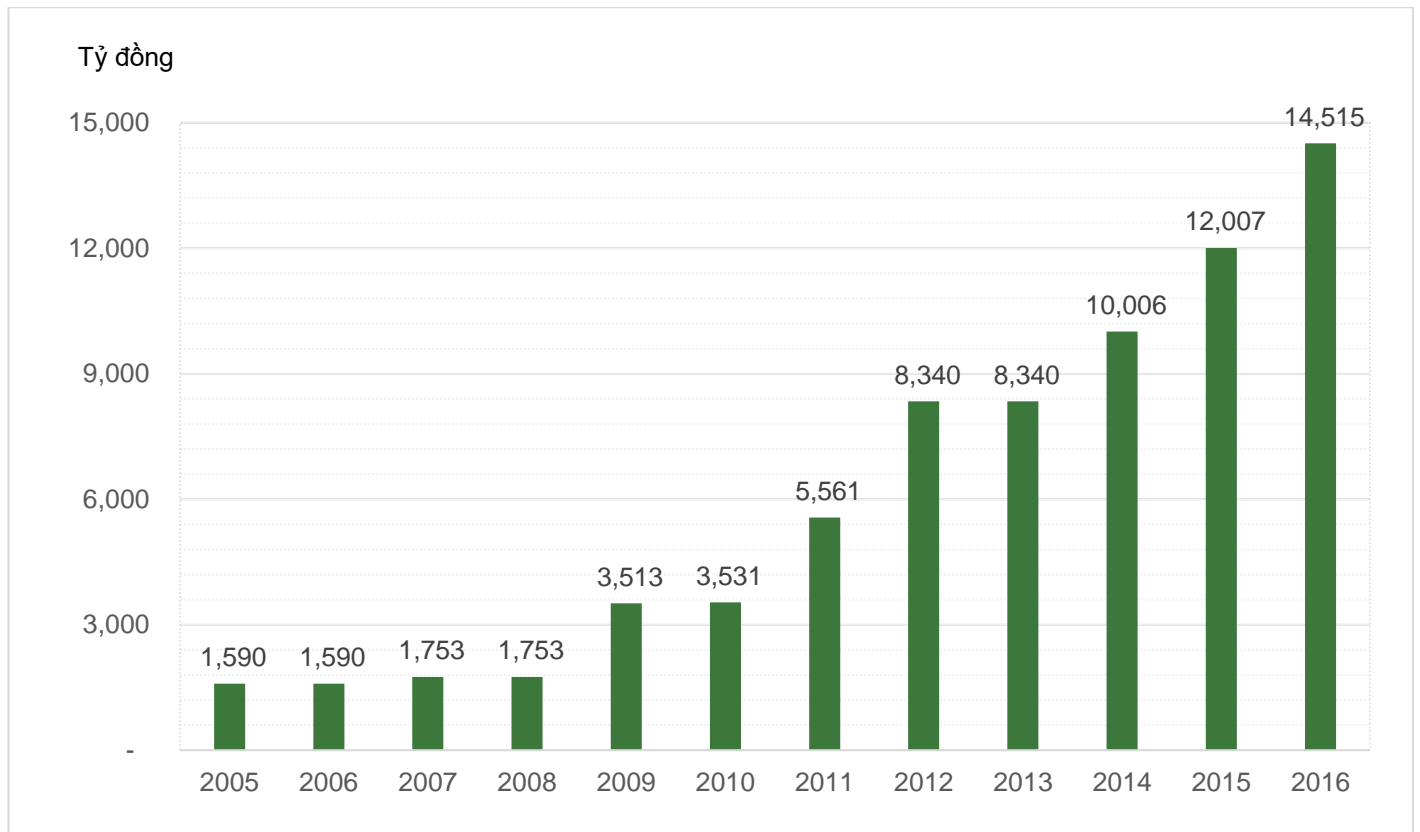
Vinamilk tiền thân là Công ty Sữa, Café miền Nam, được thành lập năm 1976 trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp Thực phẩm. Tháng 11/2003 chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần và đổi tên thành CTCP Sữa Việt Nam, được niêm yết trên sàn HOSE từ tháng 1 năm 2006.

VNM là doanh nghiệp sữa lớn nhất Việt Nam, chiếm gần 50% tổng doanh thu toàn ngành sữa với hơn 250 mặt hàng và hệ thống phân phối khắp cả nước. Không chỉ là doanh nghiệp sữa lớn nhất, hiện nay VNM còn dẫn đầu trên nhiều mặt: vốn hóa lớn nhất, thương hiệu giá trị nhất, hệ thống phân phối lớn nhất, doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất có trang trại sữa hữu cơ, sở hữu hai siêu nhà máy sữa lớn nhất.

VNM đặt kế hoạch doanh thu 3 tỷ USD năm 2017 và trở thành 1 trong 50 nhà máy sữa lớn nhất thế giới.



Quá trình tăng vốn (tỷ VND)



Nguồn: VNM

Chỉ số tài chính (tỷ VNĐ)

| Kết quả kinh doanh | 2014 | 2015 | 2016 | 2017E |
|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Doanh thu thuần | 34,977 | 40,080 | 46,794 | 52,410 |
| Giá vốn hàng bán | 22,668 | 23,818 | 24,459 | 26,729 |
| Lợi nhuận gộp | 12,308 | 16,262 | 22,336 | 25,681 |
| Chi phí bán hàng | 4,696 | 6,258 | 10,759 | 11,268 |
| Chi phí QLDN | 795 | 1,233 | 1,053 | 1,153 |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 6,817 | 8,772 | 10,524 | 13,260 |
| Lợi nhuận tài chính | 492 | 486 | 620 | 533 |
| Chi phí lãi vay | 40 | 31 | 46 | 49 |
| Lợi nhuận trước thuế | 7,553 | 9,367 | 11,238 | 13,886 |
| Lợi nhuận sau thuế | 6,008 | 7,770 | 9,364 | 11,664 |
| Lợi nhuận sau thuế CĐ công ty mẹ | 6,009 | 7,773 | 9,350 | 11,664 |
| Cân đối kế toán | 2014 | 2015 | 2016 | 2017E |
| Tài Sản Ngắn Hạn | 15,522 | 16,732 | 18,674 | 20,348 |
| Tiền và tương đương tiền | 1,528 | 1,359 | 655 | 1,566 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 7,468 | 8,668 | 10,454 | 10,454 |
| Phải thu ngắn hạn | 2,772 | 2,685 | 2,867 | 3,211 |
| Hàng tồn kho | 3,620 | 3,810 | 4,522 | 4,941 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 135 | 209 | 176 | 176 |
| Tài Sản Dài Hạn | 10,248 | 10,746 | 10,705 | 11,929 |
| Phải thu dài hạn | 7 | 21 | 22 | 22 |
| Tài sản cố định | 8,890 | 8,214 | 8,321 | 9,495 |
| Bất động sản đầu tư | 148 | 142 | 137 | 137 |
| Tài sản dài hạn dở dang | 804 | 844 | 993 | 1,043 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 700 | 940 | 614 | 614 |
| Tài sản dài hạn khác | 342 | 443 | 494 | 494 |
| Lợi thế thương mại | 161 | 142 | 124 | 124 |
| Tổng cộng tài sản | 25,770 | 27,478 | 29,379 | 32,277 |
| Nợ phải trả | 5,970 | 6,554 | 6,973 | 7,391 |
| Nợ ngắn hạn | 5,453 | 6,004 | 6,457 | 6,974 |
| Nợ dài hạn | 517 | 550 | 515 | 515 |
| Vốn chủ sở hữu | 19,680 | 20,924 | 22,406 | 24,885 |
| Vốn điều lệ | 10,006 | 12,007 | 14,515 | 14,515 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | - | 231 | 237 | 237 |
| Tổng nguồn vốn | 25,770 | 27,478 | 29,379 | 32,277 |

| Lưu chuyển tiền tệ | 2014 | 2015 | 2016 | 2017E |
|--|--------|--------|--------|--------|
| Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh | 5,328 | 7,659 | 8,390 | 10,068 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư | -3,873 | -2,127 | -1,946 | -1,615 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính | -2,673 | -5,704 | -7,141 | -7,542 |
| Tiền trong kỳ | -1,218 | -172 | -697 | 910 |
| Tiền mặt đầu năm | 2,746 | 1,528 | 1,359 | 655 |
| Tiền mặt cuối năm | 1,528 | 1,359 | 655 | 1,566 |
| Định giá | | | | |
| EPS (VNĐ) | 6,008 | 6,477 | 6,442 | 8,036 |
| BVPS (VNĐ) | 19,140 | 17,086 | 15,158 | 16,867 |
| P/E | 11.19 | 11.88 | 18.70 | 18.70 |
| P/B | 3.51 | 4.50 | 7.95 | 7.95 |
| Chỉ số tài chính | 2014 | 2015 | 2016 | 2017E |
| Cơ cấu vốn | | | | |
| TS ngắn hạn/Tổng TS | 60% | 61% | 64% | 63% |
| TS dài hạn/Tổng TS | 40% | 39% | 36% | 37% |
| Tổng Nợ/VCSH | 30% | 31% | 31% | 30% |
| Tổng Nợ/Tổng TS | 23% | 24% | 24% | 23% |
| Chỉ số chi trả lãi vay | 191.8 | 300.5 | 242.7 | 284.4 |
| Chỉ số thanh khoản | | | | |
| Thanh khoản hiện thời | 2.8 | 2.8 | 2.9 | 2.9 |
| Thanh khoản nhanh | 2.2 | 2.2 | 2.2 | 2.2 |
| Hiệu quả hoạt động | | | | |
| Số ngày tồn kho | 58.3 | 58.4 | 67.5 | 67.5 |
| Số ngày thu tiền | 28.9 | 24.5 | 22.4 | 22.4 |
| Số ngày phải trả | 30.6 | 33.6 | 38.2 | 40.9 |
| Vòng quay TS ngắn hạn | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 2.6 |
| Vòng quay TS cố định | 3.9 | 4.9 | 5.6 | 5.5 |
| Vòng quay tổng TS | 1.4 | 1.5 | 1.6 | 1.6 |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | | |
| Tỷ suất LN gộp | 35% | 41% | 48% | 49% |
| Tỷ suất LN HĐKD | 19% | 22% | 22% | 25% |
| Tỷ suất lợi nhuận ròng | 17% | 19% | 20% | 22% |
| ROE | 31% | 37% | 42% | 47% |
| ROA | 23% | 28% | 32% | 36% |

Nguồn: VNM và PHS dự phóng

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Tăng tỷ trọng = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Trung lập = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Giảm tỷ trọng = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5479

Fax: (84-8) 5 413 5472

Customer Service: (84-8) 5 411 8855

Call Center: (84-8) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P.

Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-8) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,

157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-8) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương,

Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh

Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-4) 6 250 9999

Fax: (84-4) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,

364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân

Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-8) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex,

19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-4) 3 933 4566

Fax: (84-4) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng

Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-31) 384 1810

Fax: (84-31) 384 1801